

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Cao su công nghiệp
Niên khóa tài chính 2017

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cao su công nghiệp
Giấy ĐKDN: 3600.259.017
Vốn điều lệ: 175.000.000.000 đồng
Địa chỉ: Số 14, đường 21 tháng 4, xã Xuân Tân, TX Long Khánh, Đồng Nai
Số điện thoại: 0251.3721.199
Số fax: 0251.3721.199
Website: www.donarubber.com.vn
Mã cổ phiếu: IRC



Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp trước đây là Liên hiệp Nông trường Cao su được thành lập năm 1976 theo Quyết định số 255/QĐ UBT ngày 27/8/1976 của UBND tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở tiếp quản, cải tạo và xây dựng lại các đồn điền cao su nhỏ, lẻ trong tỉnh, ngoài phạm vi quản lý của Công ty Cao su Đồng Nai (nay là Tổng công ty Cao su Đồng Nai trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam), có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập.
- Năm 1993 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho phép thành lập lại doanh nghiệp theo quyết định 388 của Thủ tướng Chính phủ, và UBND tỉnh Đồng Nai có quyết định thành lập lại doanh nghiệp số 183/QĐ.UBT ngày 10/3/1993.
- Ngày 15/11/2004 UBND tỉnh Đồng Nai có quyết định số 5509/QĐ.CT.UBT chuyển đổi Công ty thành Công ty TNHH một thành viên Cao su Công nghiệp.
- Ngày 11 tháng 9 năm 2006 Thủ Tướng chính phủ có quyết định số 209/2006QĐ-TTg phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới nông lâm trường quốc doanh thuộc tỉnh Đồng Nai Công ty được giữ nguyên mô hình công ty TNHH MTV nhà nước giữ 100% vốn điều lệ.

- Ngày 24/11/2008 UBND tỉnh Đồng Nai có quyết định số 3935/QĐ-UBND chuyển giao Công ty TNHH một thành viên Cao su Công nghiệp cho Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai làm đại diện chủ sở hữu. Hiện tại là công ty con, hoạt động trong mô hình Công ty Mẹ - Công ty con của Tổ hợp Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai.
- Ngày 09/11/2015, Thủ tướng Chính phủ có Văn bản số 2022/TTg-ĐMDN về việc “ Phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông nghiệp thuộc UBND tỉnh Đồng Nai”.
- Ngày 07/7/2016 UBND tỉnh Đồng Nai có Văn bản số 5744/UBND-KT về thời điểm chốt số liệu thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp
- Ngày 20/7/2016 UBND tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 2286/QĐ-UBND về Kế hoạch chuyển Công ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp thành Công ty Cổ phần.
- Ngày 29/12/2017 UBND tỉnh Đồng Nai có văn bản số 13709/UBND-KT về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ khi cổ phần hóa chuyển Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp thành công ty cổ phần (Vốn điều lệ là 175.000.000.000 đồng, trong đó vốn Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai là 115.236.000.000 đồng, tương ứng 65,85% vốn điều lệ)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 27/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 01/03/2018.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 27/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 01/03/2018.

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
01	Trồng cây cao su Chi tiết: Sản xuất giống, trồng và chăm sóc cây cao su. Khai thác, sơ chế cao su tờ xông khói (RSS), cao su Crepes	0125
02	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh sản phẩm gỗ cao su	4663

03	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn sản phẩm (mủ) cao su	4669
04	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn củi cao su	4661
05	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn phát triển cao su dân doanh	7490
06	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư	6810
07	Chăn nuôi lợn. (Không chăn nuôi tại trụ sở)	0145
08	Chăn nuôi gia cầm. (Không chăn nuôi tại trụ sở)	0146
09	Chăn nuôi khác. (Không chăn nuôi tại trụ sở)	0149
10	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi. (Không hoạt động tại trụ sở)	0162
11	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. (Không hoạt động tại trụ sở)	0150
12	Hoạt động dịch vụ trồng trọt. (Không hoạt động tại trụ sở)	0161
13	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản. Bán buôn động vật sống (trừ động vật hoang dã).	4620
14	Trồng rừng và chăm sóc rừng. (Không hoạt động tại trụ sở)	0210
15	Khai thác gỗ. (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác) (không chứa gỗ tròn tại trụ sở)	0221
16	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ. (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác)	0222
17	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở)	0240

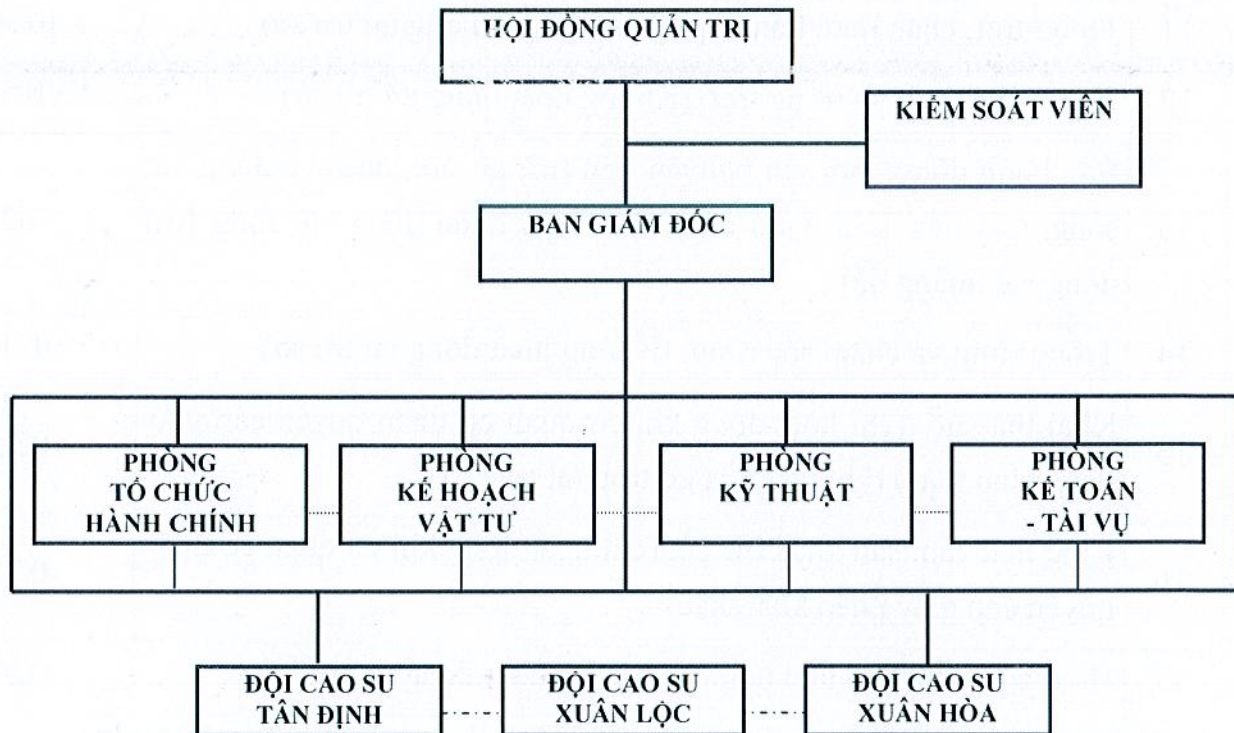
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Hội đồng quản trị: gồm Chủ tịch và 4 thành viên.

1. Ông Trịnh Hoàng Ân Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Ông Nguyễn Đăng Tấn Thành viên;
3. Ông Nguyễn Cao Trí Thành viên;

4. Ông Trần Hải Bình Thành viên;
 5. Ông Đỗ Tấn Điềm Thành viên.
- Ban điều hành: gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
1. Ông Nguyễn Đăng Tấn Giám đốc;
 2. Ông Đỗ Tấn Điềm Phó Giám đốc;
 3. Ông Nguyễn Văn Hùng Kế toán Trưởng
- Kiểm soát viên: gồm 3 thành viên.
1. Bà Trần Thị Hồng Loan Trưởng ban kiểm soát;
 2. Bà Ngô Thị Cẩm Hà Thành viên;
 3. Mai Minh Phương Thành viên.
- 04 phòng chức năng nghiệp vụ: Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Kế toán – Tài vụ; Phòng Kế hoạch – Vật tư; Phòng Kỹ thuật.
- 03 đội sản xuất: Đội cao su Tân Định; Đội cao su Xuân Lộc; Đội cao su Xuân Hòa.

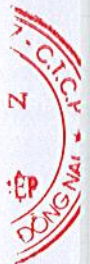
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG



4. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu trong năm 2018-2020:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2018 - 2020				
			Năm 2018		Năm 2019	Năm 2020	(±)%
			Cả năm	10 tháng (CTCP)			
1	Sản phẩm SX						
	- Cao su tờ (RSS)	Tấn	1.500	1.300	1.560	1.700	6,46
	- Cao su tạp	Tấn	80	80	85	90	6,07
2	Sản phẩm TT	Tấn					
	- Cao su tờ (RSS)	Tấn	1.500	1.279	1.600	1.700	6,46
	- Cao su tạp	Tấn	80	80	85	90	6,07
3	Vốn điều lệ	Tr.đ	175.000	175.000	175.000	175.000	0,00
4	Tổng doanh thu	“	66.933	58.102	80.436	87.666	10,79
	- Cao su tờ (RSS)	“	55.500	47.323	70.400	77.350	9,51
	- Cao su tạp	“	960	960	1.190	1.440	22,47
	- Tài chính	“	3.500	2.846	2.400	2.400	0,00
	- Khác (đây cao su thanh lý)	“	6.973	6.973	6.446	6.476	34,86
5	Tổng chi phí	“	51.800	44.286	56.549	61.963	9,33
6	Lợi nhuận trước thuế	“	15.133	13.816	23.887	25.703	14,57
7	Lợi nhuận sau thuế	“	12.339	11.252	19.862	21.404	14,43



B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH/KH (%)
Doanh thu	71.880.000.000	71.904.792.843	100,03
Lợi nhuận trước thuế	11.850.000.000	15.218.305.618	128,42
Thuế TNDN	1.850.000.000	2.575.736.612	139,23
Lợi nhuận sau thuế	10.000.000.000	12.642.569.006	126,43
Phải nộp Ngân sách	5.592.000.000	8.380.784.247	149,87

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban Giám đốc:

1. Ông Nguyễn Đăng Tấn Giám đốc;
2. Ông Đỗ Tấn Diễm Phó Giám đốc;

Lý lịch trích ngang của Ông Nguyễn Đăng Tấn / Tổng Giám đốc Công ty:

- Sinh năm: 1966 Quê quán: Quảng Trị
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cao su-Cử nhân quản trị kinh doanh
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Từ 5/1990 đến 9/1990: Nhân viên phòng kỹ thuật Công ty Cao su công nghiệp.
 - + Từ 10/1990 đến 12/1992: Tổ trưởng tổ chế biến đội Tân Định-Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp.
 - + Từ 01/1993 đến 12/1994: Phó phòng kỹ thuật-Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp.
 - + Từ 01/1995 đến 6/2004: Đội trưởng đội Tân Định-Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp.
 - + Từ 01/1995 đến 6/2004: Đội trưởng đội Xuân Hòa-Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp.
 - + Từ 11/2012 đến 3/2013:Trợ lý Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp.
 - + Từ 4/2013 đến 8/2013: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp.
 - + Từ 9/2013 đến 2/2018: Giám đốc, thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp.
 - + Chức vụ hiện nay: Giám đốc, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su công nghiệp.

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Lý lịch trích ngang của Ông Đỗ Tấn Diễm / Phó Giám đốc Công ty:

- Sinh năm: 1962 Quê quán: Quảng Ngãi
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - + Năm 1984-1990: Nhân viên phòng Kế hoạch-Vật tư Công ty Cao su công nghiệp.

- + Năm 1991-1992: Phó phòng Kế hoạch-Vật tư Công ty Cao su công nghiệp.
- + Năm 1993-2003: Trưởng phòng Kế hoạch-Vật tư Công ty Cao su công nghiệp.
- + Năm 2004-2012: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch-Vật tư Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp.
- + Năm 2013 đến 2/2018: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc-Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp.
- + Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su công nghiệp.
- + Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch.

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b. Những thay đổi trong ban điều hành: không có

c. Số lượng cán bộ, nhân viên.

- Số lao động (31/12/2017): 284 người, trong đó:
- Thu nhập bình quân năm 2017: 8,052 triệu đồng / người / tháng

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Đầu tư trồng cao su tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc , Đồng Nai (46,43 ha): Công ty tự thực hiện, giá trị hoàn thành tính đến 31/12/2017 là 2.687.936.856 đồng.
- Đầu tư trồng cao su tại xã Hàng Gòn, TX Long Khánh, Đồng Nai (20,18 ha): Công ty tự thực hiện, giá trị hoàn thành tính đến 31/12/2017 là 797.822.981 đồng.

4. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tăng (%)
Tổng giá trị tài sản	141.927.670.382	263.585.882.257	186
Doanh thu thuần	47.619.965.160	66.582.180.000	140
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.165.012.290	13.763.935.611	169
Lợi nhuận khác	109.325.418	1.454.370.007	1330
Lợi nhuận trước thuế	8.274.337.708	15.218.305.618	184

Lợi nhuận sau thuế	7.139.118.575	12.642.569.006	177
--------------------	---------------	----------------	-----

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	3,46	1,69	
+ Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	1,55	2,57	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,15	0,35	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,17	0,53	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho	1,89	3,58	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,33	0,25	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,15	0,18	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,17	0,21	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (theo danh sách chốt gần nhất)

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 17.500.000 cp
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông

b. Cơ cấu cổ đông:

- Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước: 65,85%
- Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà đầu tư chiến lược: 15%

- Tỷ lệ sở hữu của cổ đông cá nhân: 19,15%
- b. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:
 - Vốn chủ sở hữu 31/12/2016: 121.000.000.000 đồng
 - Vốn chủ sở hữu 31/12/2017: 172.042.842.401 đồng.
- c. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
- d. Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a/ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

- Mủ DRC khai thác: 1.492 tấn
- Mủ DRC thu mua: 24 tấn
- Cao su tờ sản xuất: 1.527,3 tấn
- Dầu DO: 40.011 lít
- Axit Formic: 13.272 kg
- Amoniac: 16.118 lít
- Túi 60x100: 1.746 kg
- Tem cao su RSS3: 28.950 tờ

b/ Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a/ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Điện: 141.810 kw

b/ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

c/ Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): không có

6.3. Tiêu thụ nước:

a/ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: không có

b/ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a/ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có



b/ Tổng số tiền do xử bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a/ Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 284 người
- Mức lương trung bình: 8,052 triệu đồng / người / tháng

b/ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện theo đúng qui định, tiêu biểu như:

- Ký kết thỏa ước lao động tập thể.
- Thực hiện BHXH, BHYT, BHTN (tai nạn), BHTN (thất nghiệp).
- Tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho NLD.
- Tổ chức các chuyến du lịch hàng năm.
- Tổ chức phong trào thể thao / văn nghệ.
- Chế độ bồi dưỡng độc hại.
- Thăm hỏi ốm đau, v.v.

c/ Hoạt động đào tạo người lao động

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Ủng hộ quỹ xã hội từ thiện
- Hỗ trợ học sinh nghèo hiếu học tại địa phương.
- Hỗ trợ các chương trình hàng năm như tết trung thu, tết âm lịch, v.v...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

C. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Ban Giám đốc Công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty trong công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD. Thực hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT, thực hiện các giải pháp kinh doanh đạt kết quả cao, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017, hoàn thành chỉ tiêu nộp ngân sách; đời sống người lao động được ổn định.
- Trong năm 2017, HĐQT và Ban Giám đốc đã chỉ đạo, triển khai thực hiện các công việc trong công tác cổ phần hóa công ty đúng theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.
- Ngày 01/3/2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 05, chuyển đổi

loại hình từ Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp thành Công ty CP Cao su công nghiệp.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. So sánh kế hoạch:

ĐVT: triệu đồng

NỘI DUNG	ĐVT	KH 2017	Năm 2017	TH/KH (%)
1. Doanh thu	trđ	71.880	71.905	100,03%
2. Sản lượng tiêu thụ mũ RSS	Tấn	1.564	1.697	108,50%
3. Lợi nhuận trước thuế	trđ		15.218	
- Lợi nhuận hoạt động SXKD	trđ		13.764	
- Lợi nhuận khác	trđ		1.454	
4. Lợi nhuận sau thuế	trđ	10.000	12.643	126,43%
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	8,26%	10,45%	126,49%
6. Nộp ngân sách Nhà nước	trđ	5.592	8.381	149,87%

b. So sánh cùng kỳ:

ĐVT: triệu đồng

NỘI DUNG	Năm 2016	Năm 2017	2017 / 2016	
			Giá trị	%
1. Tổng doanh thu	53.293	71.905	18.612	34,92
- Doanh thu SXKD	47.619	66.582	18.963	39,82
- Doanh thu tài chính	5.546	3.837	-1.709	(30,82)
- Thu nhập khác	128	1.486	1.358	1.060,94
2. Lợi nhuận trước thuế	8.274	15.218	6.944	83,93
- Lợi nhuận SXKD	2.619	9.927	7.308	279,05
- Lợi nhuận tài chính	5.546	3.837	-1.709	(30,82)
- Lợi nhuận khác	109	1.454	1.345	1.234,31

- Tổng doanh thu năm 2017 là 71.905 triệu đồng, đạt 100,03% so với kế hoạch năm, tăng 34,92% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó:

+ Doanh thu sản xuất kinh doanh: 66.582 triệu đồng (chiếm 92,60% tổng doanh thu) là doanh thu bán các sản phẩm cao su RSS, cao su tạp. Sản lượng tiêu thụ mũ RSS năm 2017: 1.697 tấn, đạt 108,5% so với kế hoạch năm, tăng 8,5% (tương ứng tăng 133 tấn) so với cùng kỳ năm 2016; Doanh thu sản xuất kinh doanh năm 2017 tăng 39,82%

so với cùng kỳ năm 2016 chủ yếu do giá bán mủ RSS tăng (giá bán bq năm 2017: 38.345.138 đ/tấn, giá bán năm 2016: 29.736.253 đ/tấn).

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 3.837 triệu đồng (chiếm 5,34% tổng doanh thu), chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng. Doanh thu tài chính năm 2017 so với cùng kỳ giảm do năm 2016 Công ty được chia cổ tức 2.600 triệu đồng từ Công ty CP Tam Phước và Agropark.

+ Thu nhập khác: 1.486 triệu đồng (chiếm 2,06% tổng doanh thu) gồm thu bán tài sản thanh lý, thu bồi thường cây cao su nằm trong hành lang lưới điện và thu nhập khác.

- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 12.643 triệu đồng, tăng 26,43% so với kế hoạch năm.

Lợi nhuận trước thuế là 15.218 triệu đồng, tăng 6.944 triệu đồng tương ứng tăng 83,93% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó:

+ Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 9.927 triệu đồng (chiếm 65,23% tổng lợi nhuận), tăng 279,05% so với cùng kỳ năm 2016 chủ yếu do giá bán mủ cao su tăng.

+ Lợi nhuận tài chính là 3.837 triệu đồng (chiếm 25,21% tổng lợi nhuận), chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng, giảm 30,82% so với cùng kỳ năm 2016.

+ Lợi nhuận khác là 1.454 triệu đồng (chiếm 9,56% tổng lợi nhuận), tăng 1.234,31% so với cùng kỳ do trong năm có thu từ bán tài sản thanh lý là 500.235.348 đồng, thu tiền bồi thường cây cao su 931.384.528 đồng.

1.2. Tình hình quản lý chi phí SXKD và chi phí quản lý

ĐVT: triệu đồng

NỘI DUNG	Năm 2016	Năm 2017	2017 / 2016	
			Giá trị	%
1. Doanh thu SXKD	47.619	66.582	18.963	39,82
2. Chi phí SXKD và quản lý	45.019	56.686	11.667	25,92
Giá vốn hàng bán	34.962	46.464	11.502	32,90
Chi phí bán hàng	28	43	15	52,14
Chi phí quản lý	10.010	10.148	138	1,38
Chi phí khác	19	32	13	66,32
3. Tỷ lệ chi phí/Dthu SXKD (%)	94,54%	85,14%	-9,40%	(9,95)
Giá vốn HB/Doanh thu (%)	73,42%	69,78%	-3,64%	(4,95)
CP bán hàng/Doanh thu (%)	0,06%	0,06%	0,01%	8,81
CP quản lý/Doanh thu (%)	21,02%	15,24%	-5,78%	(27,49)

CP khác/Doanh thu (%)	0,04%	0,05%	0,01%	18,95
-----------------------	-------	-------	-------	-------

Năm 2017, sản lượng tiêu thụ cao su tăng 8,5% tương ứng tăng 133 tấn, đồng thời giá bán bình quân tăng 28,95%, tương ứng tăng 8.608.885 đồng/tấn làm cho doanh thu SXKD tăng 39,82% so với cùng kỳ năm 2016 nên tổng chi phí SXKD và chi phí quản lý tăng 25,92% so với cùng kỳ.

2. Tình hình tài chính

2.1. Khả năng sinh lời

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Tỷ suất lợi nhuận gộp	30,22%	26,58%
Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu (ROS)	18,99%	14,99%
Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản (ROA)	5,95%	5,03%
Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu (ROE)	10,45%	5,90%

(Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản và trên vốn chủ sở hữu có loại trừ yếu tố chênh lệch đánh giá lại tài sản 51.042.842.401 đ)

Các chỉ số sinh lời năm 2017 đều tăng khá cao so với cùng kỳ năm 2016 chủ yếu là do giá bán cao su tăng và số lượng bán tăng làm lợi nhuận tăng.

2.2. Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	8,76	3,46
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	4,25	0,05

Các hệ số thanh toán năm 2017 đều tăng so với cùng kỳ năm 2016, tình hình tài chính an toàn.

3. Về cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	31-12-2017	01-01-2017
I.	Cơ cấu chung		
1	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản (%)	58,83	50,98
2	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản (%)	41,17	49,02
II.	Cơ cấu tài sản ngắn hạn		
1	Tiền và tương đương tiền/ Tài sản ngắn hạn (%)	48,47	1,46
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn/Tài sản ngắn hạn (%)	41,85	71,86
3	Hàng tồn kho / Tài sản ngắn hạn (%)	8,35	25,44
4	Nợ phải thu / Tài sản ngắn hạn (%)	1,33	1,20
5	Tài sản ngắn hạn khác / Tài sản ngắn hạn (%)	-	0,03
III.	Cơ cấu tài sản dài hạn		
1	Tài sản cố định / Tài sản dài hạn (%)	62,41	30,07
2	Tài sản dở dang dài hạn/Tài sản dài hạn (%)	3,26	5,12

117-C...
Y
N
J
H
I. Đ. Đ. Đ.

3	Đầu tư tài chính DH / Tài sản dài hạn (%)	32,25	64,69
4	Tài sản dài hạn khác / Tài sản dài hạn (%)	2,08	0,12
IV.	Cơ cấu nguồn vốn		
1	Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	65,27	85,25
2	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	34,73	14,75
3	Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu (%)	53,21	17,30

Cơ cấu tài sản: tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng khá cao (58,83%) trong tổng tài sản. Công ty đã chú trọng nhiều đến công tác đầu tư các dự án trồng mới cây cao su... Tuy nhiên công ty cần đầu tư mở rộng diện tích cao su để tăng quy mô tương ứng với tiềm năng của công ty.

Cơ cấu nguồn vốn: nguồn vốn chủ sở hữu năm 2017 là 172.043 triệu đồng (trong đó chênh lệch do đánh giá lại tài sản để cổ phần hóa công ty là 51.043 triệu đồng) chiếm khá cao trong tổng nguồn vốn (65,27%) cho thấy nguồn tài chính hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh là từ nguồn vốn tự có của Công ty. Công ty không có vay vốn, không bị gánh nặng về lãi vay.

4. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

4.1. Tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư dài hạn khác

Đến cuối năm 2017, Công ty có khoản đầu tư vốn ra bên ngoài với tổng số vốn là 35 tỷ đồng, bao gồm:

- Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch: 25 tỷ đồng;
- Công ty CP Đầu tư và quản lý KLH Công nông nghiệp: 10 tỷ đồng.

Trong năm 2017, Công ty không được chia cổ tức từ hoạt động đầu tư tài chính.

4.2. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản

Trong năm 2017, tài sản tăng do mua sắm 35 triệu đồng; tăng do đánh giá lại để cổ phần hóa công ty là 77.670 triệu đồng.

Tài sản giảm trong năm 2017 là 1.333 triệu đồng gồm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định là 866 triệu đồng và giảm tài sản cây cao su do nằm trong hành lang lưới điện là 467 triệu đồng (có nhận được tiền bồi thường).

4.3. Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động

Trong năm 2017, Công ty không thực hiện huy động vốn bên ngoài; toàn bộ nguồn vốn dùng để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư tài sản là từ nguồn vốn tự có của Công ty. Công ty còn có nguồn vốn nhàn rỗi gửi ngắn hạn ngân hàng.

4.4. Tình hình quản lý tài sản cố định

- Đến ngày 31/12/2017, nguyên giá tài sản cố định của Công ty là 120.603 triệu đồng, giá trị còn lại là 67.724 triệu đồng.

- Tổng khấu hao tài sản cố định năm 2017 là 2.068 triệu đồng. Công ty trích khấu hao đúng theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2014 của Bộ Tài chính, trong năm không có trích khấu hao nhanh.

4.5. Tình hình quản lý hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối năm 2017 là 12.950 triệu đồng, không có hàng hóa kém mất phẩm chất, ứ đọng, bao gồm:

- Nguyên vật liệu: 522 triệu đồng;
- Công cụ, dụng cụ: 232 triệu đồng;
- Chi phí SXKD dở dang: 713 triệu đồng;
- Thành phẩm: 11.482 triệu đồng.

Giá trị hàng tồn kho chiếm 8,35% tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho cuối năm chủ yếu là thành phẩm. Hàng tồn kho đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.6. Tình hình quản lý công nợ phải thu, công nợ phải trả

- Tổng nợ phải thu đến 31/12/2017 là 2.063 triệu đồng, trong đó: trả trước người bán: 77,5 triệu đồng, các khoản phải thu khác: 1.985,6 triệu đồng. Công ty không có nợ phải thu khó đòi.

- Tổng nợ phải trả đến ngày 31/12/2017 là 91.543 triệu đồng, trong đó: thuế và các khoản phải nộp nhà nước là 1.340 triệu đồng; phải trả người lao động là 4.197 triệu đồng; phải trả nội bộ 55 triệu đồng; phải trả ngắn hạn khác: 80.412 triệu đồng (trong đó phải trả về cổ phần hóa là 73.844.118.700 đ); quỹ khen thưởng – phúc lợi là 5.539 triệu đồng. Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

5. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

5.1. Tình hình tuân thủ và chấp hành quy định về chính sách thuế, tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước

Trong năm, Công ty không bị xử phạt hành chính nào liên quan đến việc chấp hành chế độ chính sách, pháp luật của nhà nước.

Công ty tuân thủ và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp ngân sách.

5.2. Tình hình lao động - tiền lương

- Số lao động bình quân năm 2017 là 278 người. Công ty thực hiện trích và chi trả lương năm 2017 đúng theo đơn giá lương đã được các Sở, ngành có liên quan phê duyệt, cụ thể: tổng quỹ lương và thù lao được trích là 28.839 trđ, trong đó: quỹ lương của người lao động là 26.282 trđ; quỹ lương viên chức quản lý là 1.922 trđ; thù lao là 635 trđ.

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, bảo đảm công việc và thu nhập cho cán bộ công nhân viên, đời sống người lao động được ổn định. Mức thu nhập bình quân của người lao động năm 2017 là 8,55 triệu đồng/người/tháng.

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



HDQT luôn giám sát tình hình triển khai kế hoạch 2018 của Ban điều hành qua việc tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng, quý và đưa ra những chỉ đạo kịp thời.

E. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán (Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 220118.001/BCTC.HCM lập ngày 22/01/2018): “Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. Bản đầy đủ BCTC Công ty tại website www.donarubber.com.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY


GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đăng Cấn